

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 12, Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 954/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa những người yêu cầu:

- Ông **Vũ Đức T**, sinh ngày 30/01/1957;

CCCD số: 035xxx;

Nơi cư trú: số nhà X, khu A, tập thể B, tổ 11, phường L, thành phố Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh ngày 25/4/1959;

CCCD số: 035xxx;

Nơi cư trú: LK28-31, khu đô thị mới V, phường K, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/1979 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (nay là xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông T, bà T1 xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về con chung: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận ông bà có 01 con chung là chị Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05/8/1989. Chị Vũ Thị Hà M đã

trưởng thành và có gia đình riêng, việc ở với ai do chị tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 được miễn lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là ngày 30 tháng 12 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1.

- **Về con chung:** Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận ông bà có 01 con chung là chị Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05/8/1989. Chị Vũ Thị Hà M đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Tòa án không xét.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung:** Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

- **Về nợ chung:** Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị T1 được miễn lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội;
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (nay là xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình) (GCNKH số 39 ngày 25/7/1979);
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Phương Minh

